

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HSST

Ngày: 28/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Vinh – Chánh thanh tra ngân hàng nhà nước tỉnh Lai Châu.

2. Bà Lê Thị Phương – Giáo viên trường THPT Lê Quý Đôn, tp Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hồi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu. Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/HSST-QĐ ngày 16/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Khoảng Thị P; Tên gọi khác không; ngày tháng năm sinh tháng 01/2001; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: NT, xã NH, huyện NN, tỉnh Lai Châu; Dân tộc Thái; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Trình độ học vấn 9/12; Nghề nghiệp tự do; Tiền án, tiền sự không; Mẹ đẻ Khoảng Thị X sinh năm 1967; Anh chị em ruột không; Chồng không; có 01 con sinh ngày 14/10/2014; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 10/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thủy Y; Tên gọi khác không; Sinh ngày 15/8/2001; Nơi ĐKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: BC, xã LL, huyện NN, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Thái; Tôn giáo không; Trình độ học vấn 7/12; Nghề nghiệp tự do; Tiền án, tiền sự không; Bố đẻ Phạm Ngọc T, sinh năm 1972; Mẹ đẻ Lò Thị K, sinh năm 1973; Gia đình bị cáo có 04 anh, em ruột bị cáo là con thứ 02 trong

gia đình; Chồng, con chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo P:** Bà Khoản Thị X, sinh năm 1966.

Trú tại: Bản NT, xã NH, huyện NN, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa)

*** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Y:** Bà Lò Thị K, sinh năm 1973.

Trú tại: Bản C, xã LL, huyện NN, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Cháu Điều Thị L – sinh ngày 26/10/2003

Trú tại: Bản C, xã LL, huyện NN, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa)

*** Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:** - Bà Lò Thị B, sinh 1969

- Ông Điều Văn D, sinh năm 1972

Đều trú tại: Bản C, xã LL, huyện NN, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng Thị P và Phạm Thủy Y là bạn học cũ. Tháng 9/2016 Khoảng Thị P sang Hà Khẩu, Trung Quốc làm gái bán dâm. P và Y thường xuyên nhắn tin với nhau qua zalo. Khoảng giữa tháng 7/2017 Phạm Thủy Y nhắn tin cho P nói muốn sang chỗ P làm gái bán dâm và hỏi vay của P 10.000.000đ. Ngày 30/7/2017 P nhắn tin cho Y nói có ai muốn đi làm gái bán dâm chỗ P thì tìm cho P, P sẽ trả tiền cho Y, nếu còn trinh thì 5.000.000đ/người, nếu không còn trinh thì 3.000.000đ/người. Y rủ Điều Thị L sinh năm 2003 (là em gái ruột của Y nhưng đã cho người khác làm con nuôi) đi bán quần áo thuê ở Lào Cai. L đồng ý. Y nhắn tin cho P và gửi ảnh em gái cho P. P bảo Y đưa em gái sang chỗ P thì P trả cho Y 5.000.000đ. Y bảo P về đón Y và em gái Y. Tối cùng ngày, P thuê xe taxi về nhà mẹ đẻ ở bản N T, xã NH, huyện NN. L có đến gặp P. P nói cho L biết là đi làm gái bán dâm bên Trung Quốc, L đồng ý. Ngày 31/7/2017, P đưa cho Y 2.000.000đ, sau đó Phương đưa L sang Lào Cai rồi vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Ngày 03/8/2017 P đưa L đi bán dâm 01 lần. Ngày 03/8/2017 P về Lào Cai thì bị phát hiện, bắt giữ, còn L được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả cho Đoàn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Lào Cai.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo khai nhận:

Tháng 9/2016 Khoảng Thị P sang Hà Khẩu, Trung Quốc làm gái bán dâm. Sau tết nguyên đán 2017, Phương sử dụng số điện thoại 0868137775 để kết nối mạng zalo lấy tên là “Hoangphuonglc”. Sau đó P kết bạn qua mạng zalo với Phạm Thủy Y là bạn học cũ. P và Y thường xuyên nhắn tin với nhau. Trong thời gian làm gái bán dâm ở Hà Khẩu, P có sống chung với một người đàn ông Trung Quốc tên là A B. Khoảng tháng 5/2017 A B thuê riêng cho P 01 ki ốt trong chợ Hà Khẩu để P tổ chức hoạt động mại dâm. Khoảng giữa tháng 7/2017 Phạm Thủy Y nhắn tin qua zalo cho P nói muốn sang chỗ P làm gái bán dâm và bảo P về Việt Nam đón Y. Đồng thời Y hỏi vay P 10.000.000đ. Ngày 30/7/2017 P nhắn tin cho Y nói có ai muốn đi làm gái bán dâm chỗ P thì tìm cho P, P sẽ trả tiền cho Y. Y hỏi bao nhiêu tiền, P nói nếu phụ nữ còn trinh thì 5.000.000đ/người, nếu không còn trinh thì 3.000.000đ/người. Khoảng 14 giờ ngày 30/7/2017 Y đang ở nhà thì có Điều Thị L sinh năm 2003 là em gái ruột của Y nhưng đã cho người khác làm con nuôi đến nhà chơi. Y hỏi L có đi bán quần áo thuê ở Lào Cai. L đồng ý. Y nhắn tin và gửi ảnh em gái cho P xem. P bảo Y nếu đưa được em gái của Y sang chỗ P thì P trả cho Y 5.000.000đ. Y bảo P về đón Y và em gái Y, đồng thời đem tiền về cho Y vay. P đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, P về đến thành phố Lào Cai rồi thuê xe taxi về nhà mẹ để ở bản NT xã NH, huyện NN. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi về đến nhà, P nhắn tin cho Y. Y nói ngày mai Y không đi được, chỉ có L đi, nhưng phải đi ngay tối nay vì sợ bố, mẹ của L biết. Một lúc sau L đến gặp P. P nói cho L biết là đi làm gái bán dâm bên Trung Quốc, L đồng ý. Sau đó P, L và một số người khác cùng nhau đi hát karaoke đến 03 giờ ngày 31/7/2017 P và L về nhà P ngủ. Khoảng 10 giờ ngày 31/7/2017, P và Y đi thị xã ML, tỉnh Điện Biên chơi, sau đó đi về nhà Y. Trên đường về, P đưa cho Y 2.000.000đ, sau đó P đưa L sang Lào Cai rồi vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 17 giờ ngày 02/8/2017 Y nhắn tin cho P với nội dung đòi nốt số tiền mà P đã hứa. P nhắn lại là L không còn trinh, nên số tiền 2.000.000đ P đưa cho Y là tiền trả công cho Y đã tìm L cho P. Ngày 03/8/2017 P đưa L đi bán dâm 01 lần nhưng chưa lấy tiền. Ngày 03/8/2017 P về Lào Cai thì bị phát hiện, bắt giữ, còn L được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả cho Đoàn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Lào Cai.

Tại bản cáo trạng số: 19/KSĐT-TA ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Khoảng Thị P và Phạm Thủy Y về tội “Mua bán trẻ em” theo các điểm e, h khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố .

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, Điều 69, Khoản 1 Điều 74, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phương; áp dụng các điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, Điều 69, khoản 2 Điều 74, điểm p, o khoản 1,

khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Yến. Xử phạt các bị cáo mức án từ 03 đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phương.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng và màu vàng đã cũ, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ. Trả lại cho bị cáo P 01 giấy thông hành + 01 quyển sổ bìa màu xanh + 710 Yuan vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, Điều 69, Điều 74, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phương; áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, Điều 69, Điều 74, điểm p, o, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Y. Đề nghị xử phạt các bị cáo với mức án thấp nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo P.

Người bị hại Điều Thị L nhất trí như lời trình bày của các bị cáo. Về phần bồi thường thiệt hại cháu L trình bày bị cáo P đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ, cháu L không có yêu cầu gì thêm.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà B trình bày bị cáo P đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ cho người bị hại. Bà B yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự nhân phẩm và sức khỏe cho người bị hại.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại, những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi bất chính, ngày 30/7/2017 tại xã LL, huyện NN, Phạm Thủy Y đã có hành vi bán em gái ruột của mình là Điều Thị L sinh năm 2003 cho Khoàng Thị P sử dụng vào mục đích làm gái bán dâm bên Trung Quốc để lấy 5.000.000đ, Y đã được P trả trước 2.000.000đ.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm vào tội “Mua bán trẻ em”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

e) Để đưa ra nước ngoài;

h) Để sử dụng vào mục đích mại dâm.

.....

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trẻ em” theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và sống chung với cha mẹ, quyền được bảo vệ của trẻ em được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt theo quy định của điều luật đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo P là kẻ chủ mưu, bị cáo Y là đồng phạm thực hành tích cực, khi nghe P rủ rê, Y đã rủ chính em gái của mình để mang bán cho P và được P trả công 2.000.000đ vì vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau. Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Y đã tự thú hành vi phạm tội của mình; bị cáo P đã bồi thường số tiền 10.000.000đ cho người bị hại; các bị cáo là người dân tộc sống ở vùng sâu; bị cáo P phạm tội khi chưa đủ 17 tuổi, bị cáo Y phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức còn có phần hạn chế. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Y, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Y được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 74 Bộ luật Hình sự do đó không cần thiết phải áp dụng quy định tại điều 47 Bộ luật Hình sự. Về ý kiến đề nghị của người bào chữa áp dụng điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối

với bị cáo P, Hội đồng xét xử xét thấy không có tài liệu, chứng cứ để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cần áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 47, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P. Áp dụng các điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 69, khoản 2 Điều 74 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Y để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo thấy tính khoan hồng của pháp luật mà cải tạo mình thành công dân có ích.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà B trình bày bị cáo P đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ cho người bị hại. Bà B yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự nhân phẩm và sức khỏe cho người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy về yêu cầu đòi bồi thường về sức khỏe là không có căn cứ, về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cần áp dụng quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 10 tháng lương cơ sở là $1.300.000đ \times 10 = 13.000.000đ$. Bị cáo P đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại buộc bị cáo Y phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Điều Thị L.

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng và màu vàng đã cũ, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ, trả lại cho bị cáo P 01 giấy thông hành + 01 quyển sổ bìa màu xanh + 710 Yuan vì không xác định được có liên quan đến hành vi phạm tội.

[6]. Về án phí: Bị cáo P thuộc diện hộ cận nghèo do đó bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Yến phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Nội dung liên quan trong vụ án: Đối với Lò Văn T là người đã chở bị hại Điều Thị L từ nhà Phạm Thủy Y ở bản C, xã LL đến nhà Khoảng Thị P ở bản N T, xã NH, huyện NN. Do T không biết mục đích mua bán của P và Y nên T không phạm tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Khoàng Thị P, Phạm Thủy Y phạm tội: “Mua bán trẻ em”

2. Áp dụng Điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P.

Xử phạt bị cáo Khoàng Thị P 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án được khấu trừ 08 ngày tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng Điểm e, h khoản 2 Điều 120, Điều 20, Điều 53, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 2 Điều 74 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Yển.

Xử phạt bị cáo Phạm Thủy Y 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 03/8/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường danh dự nhân phẩm cho người bị hại Điều Thị L, sinh ngày 26/10/2003, trú tại bản C, xã L L, huyện NN, tỉnh Lai Châu số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), xác nhận bị cáo Khoàng Thị P đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền còn lại là 3.000.000đ buộc bị cáo Phạm Thủy Y phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng vàng đã qua sử dụng cũ và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng vàng số IMEL 352072060681924 đã qua sử dụng cũ, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ, trả lại cho bị cáo Phương 01 giấy thông hành + 01 quyển sổ bì màu xanh + 710 Yuan (Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Thi hành án dân sự và Công an tỉnh Lai Châu ngày 08/11/2017).

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo Khoàng Thị P được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Thủy Y phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bào chữa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Người ĐDHP cho các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người ĐDHP cho người bị hại;
- Người bào chữa;
- Thi hành án;
- Trại tạm giam;
- Công an TLC(PC45);
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hoài